

Bản án số: 39/2023/ HNGĐ- ST

Ngày 05/9/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sao Hôm

Bà Hứa Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐHPT- DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1974

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh H.

Chị T có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh N kết hôn ngày 28 tháng 01 năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh H. Khi đó, chị 18 tuổi, anh N 25 tuổi, đều làm nông nghiệp tại địa phương. Anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về

sinh sống tại gia đình nhà anh N. Thời gian đầu, anh chị sinh sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N mãi chơi cờ bạc, không chăm lo kinh tế gia đình, vợ con. Hầu như ngày nào, vợ chồng cũng xảy ra cãi cọ, bất đồng với nhau. Tuy vậy, anh chị vẫn sinh sống với nhau. Đến tết năm 2022, anh N đi lái xe về và đòi ly hôn chị nhưng vì gia đình nên chị cố gắng nhẫn nhịn để gia đình không ly tán và con cái được đón tết vui vẻ. Sau khi ăn tết xong thì gia đình có họp, con cái anh chị cùng tham gia với anh N nhưng anh N không nghe, cho rằng các con không có quyền tham gia. Sau đó, anh N đi lái xe và nói là có người phụ nữ khác, cụ thể là ai thì chị không biết. Nhưng anh N không còn quan tâm gì đến gia đình, không gọi điện gì về nhà, không gửi tiền nuôi dưỡng con cái. Anh N mãi chơi, đi vài ngày hoặc có lúc nửa tháng rồi về. Đến khi anh N về nhà thì lảm lì, không nói rồi mời bạn bè về ăn uống để vợ con phải phục vụ. Chị đã phải cố gắng làm việc, có kinh tế để nuôi con nhưng anh N vẫn mãi chơi, buông bỏ gia đình. Anh N có điện cho chị bảo gửi cho con 2.000.000đồng/1 tháng nhưng từ tết đến giờ anh N cũng không gửi. Chị cũng cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng đến nay chị không thể chấp nhận được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 04 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 29/12/1997; Trần Thị Thu N2, sinh ngày 08/5/2003; Trần Thị Giang A, sinh ngày 05/4/2009; Trần Bảo L, sinh ngày 21/12/2014. Nếu vợ chồng ly hôn, hai con chung là N và N2 đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Giang A và cháu L và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Vì anh N mãi đi biệt, hai cháu chỉ ở nhà với chị từ nhỏ. Một mình chị vừa lo kinh tế vừa dạy dỗ hai cháu. Hiện nay, chị làm Công ty F, khu công nghiệp P, thu nhập hàng tháng là 8.000.000đồng, thời gian làm việc làm giờ hành chính hoặc tăng ca. Chị có thời gian, điều kiện để nuôi dạy hai cháu.

Về tài sản chung, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ cho anh N nhưng anh N vắng mặt tại các buổi làm việc và không có trình bày quan điểm ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Qua xác minh với UBND xã Kim Xuyên, trưởng thôn Thiện Đáp, anh D- em trai anh N, cháu Giang A- con anh N chị T thể hiện: Chị T và anh N kết hôn và về sinh sống với nhau tại thôn T, xã K từ năm 1997. Đến năm 2022, anh N làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên phải đi làm kinh tế nhiều nơi. Anh N thỉnh thoảng lại về nhà sinh sống một thời gian rồi lại đi, cụ thể ở đâu thì địa phương không nắm được. Theo cháu Giang A, cháu thường thấy bố mẹ cãi cọ, mâu thuẫn nhau, có lúc bố còn đánh mẹ. Đạo này, bố cháu không về nhà, không gửi chi phí nuôi dưỡng các cháu. Nay chị T xin ly hôn anh N, quan điểm của cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn N. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Giang A, sinh ngày 05/4/2009; Trần Bảo L, sinh ngày 21/12/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Văn N có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N là bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 217 và khoản 1, 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian dài sinh sống hòa thuận, hạnh phúc thì đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, có lúc anh N còn đánh chị T. Đến năm 2022, mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên trầm trọng. Anh N bỏ mặc không quan tâm gì đến chị T, gia đình. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân chị T đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nhưng đến nay chị không thể tiếp tục chịu đựng được nữa. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không quan tâm, bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh N không đến Tòa án, không trình bày quan điểm ý kiến nhằm gây khó khăn cho chị T. Vì vậy, cần chấp

nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 04 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 29/12/1997; Trần Thị Thu N2, sinh ngày 08/5/2003; Trần Thị Giang A, sinh ngày 05/4/2009; Trần Bảo L, sinh ngày 21/12/2014. Hiện hai con chung là N và N2 đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Đối với hai con chung Giang A, Bảo L, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Chị T hiện làm nghề Công ty F, khu công nghiệp P, thu nhập hàng tháng là 8.000.000 đồng, thời gian làm việc làm giờ hành chính hoặc tăng ca. Chị có thời gian, điều kiện để nuôi dạy hai cháu. Thời gian anh chị ly thân đến nay, hai cháu đều sinh sống cùng chị T. Vì vậy việc giao hai cháu cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của các cháu. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 217; khoản 1 và khoản 3 Điều 218; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho Nguyễn Thị T ly hôn anh Trần Văn N.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Giang A, sinh ngày 05/4/2009; Trần Bảo L, sinh ngày 21/12/2014 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo

biên lai thu số AA/2021/0003111 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương